

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ
TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo của Tổng Giám đốc về Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/03/2012	4 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý I-2012	7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý I-2012	8
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Tập đoàn đến ngày lập bản báo cáo tài chính là:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên
Ông Võ Giang Trung	Thành viên
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Minh Thanh	Trưởng Ban
Bà Trần Lâm Thúy Quyên	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Tập đoàn đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Phú Quốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Nam	Phó Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Văn Hậu	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Các hoạt động chính

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hoá;
- Vận tải hàng hoá đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31/03/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/03/2012 được trình bày từ trang 04 đến trang 29.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc thời kỳ tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 03 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho thời kỳ tài chính Quý I năm 2012 kết thúc cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc



Võ Trường Thành

Bình Dương, ngày 15 tháng 5 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		2,476,018,900,817	2,557,211,591,592
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	14,175,523,676	24,463,160,737
1. Tiền	111		4,669,879,232	4,948,585,254
2. Các khoản tương đương tiền	112		9,505,644,444	19,514,575,483
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	5,540,000,000	20,184,224,750
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5,540,000,000	20,184,224,750
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	683,942,047,595	822,619,130,943
1. Phải thu khách hàng	131		576,664,899,087	724,825,722,407
2. Trả trước cho người bán	132		35,260,694,602	33,812,491,115
3. Các khoản phải thu khác	135		77,879,473,855	69,843,937,371
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,863,019,950)	(5,863,019,950)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	1,746,270,787,336	1,665,903,931,727
1. Hàng tồn kho	141		1,753,317,235,034	1,672,950,379,425
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7,046,447,698)	(7,046,447,698)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	26,090,542,210	24,041,143,435
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,077,063,997	3,394,612,419
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,798,280,208	1,187,479,666
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		331,767,682	331,767,682
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		20,883,430,323	19,127,283,668
B. Tài sản dài hạn	200		765,239,179,062	779,816,061,478
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		576,213,574,621	584,454,030,873
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	443,239,182,269	451,310,605,035
- Nguyên giá	222		552,533,802,815	553,269,096,480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109,294,620,546)	(101,958,491,445)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	64,104,386,980	64,478,852,035
- Nguyên giá	228		70,834,650,206	70,834,650,206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,730,263,226)	(6,355,798,171)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	68,870,005,372	68,664,573,803
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.09	167,243,292,972	172,592,821,051
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		76,339,016,781	76,688,544,860
2. Đầu tư dài hạn khác	258		104,121,036,000	109,121,036,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(13,216,759,809)	(13,216,759,809)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.10	21,782,311,469	22,769,209,555
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		19,720,206,476	20,624,650,016
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		731,104,993	731,104,993
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,331,000,000	1,413,454,545
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,241,258,079,879	3,337,027,653,071

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		2,442,537,668,953	2,541,618,346,506
I. Nợ ngắn hạn	310		2,294,525,311,730	2,417,729,038,018
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1,766,096,941,992	1,835,883,386,724
2. Phải trả người bán	312	V.12	314,747,320,068	399,111,327,674
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	40,993,210,359	55,670,607,643
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	14,139,417,532	8,569,010,338
5. Phải trả người lao động	315	V.14	22,325,429,876	29,932,850,580
6. Chi phí phải trả	316	V.15	29,560,631,402	22,929,199,100
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	108,073,609,936	66,308,118,967
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1,411,249,435)	(675,463,008)
II. Nợ dài hạn	330	V.17	148,012,357,223	123,889,308,488
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000,000	1,000,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334		90,797,628,842	85,560,530,406
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		114,418,742	114,418,742
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		628,979,391	649,585,640
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		55,471,330,248	36,564,773,700
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	688,248,966,470	685,565,096,129
I. Vốn chủ sở hữu	410		688,248,966,470	685,565,096,129
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		312,498,390,000	312,498,390,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		338,265,055,014	338,265,055,014
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3,212,548,834	3,212,548,834
4. Cổ phiếu quỹ	414		(420,631,294)	(420,631,294)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,152,120,739	6,152,120,739
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,767,885,040	3,767,885,040
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,963,110	8,963,110
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24,764,635,027	22,080,764,687
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		110,471,444,457	109,844,210,436
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,241,258,079,879	3,337,027,653,071

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	14,546,060,880	15,605,801,900
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	2,631,470,157	2,696,179,148
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	12,045.38	55,554.84
+ EUR	3,394.42	3,422.53
+ JPY	277,000.00	277,000.00
+ CNY	16,508.00	16,508.00
+ GBP	45.00	45.00
+ THB	5,420.00	5,420.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

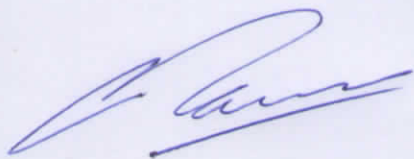
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 15 tháng 5 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Ngọc Nam



Nguyễn Văn Hậu




Võ Trường Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I-2012 (14 Công ty)	QUÝ I-2011 (12 Công ty)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		807,134,399,488	569,092,142,668
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		494,037,537	182,288,950
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	806,640,361,951	568,909,853,718
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	716,219,603,134	488,686,582,001
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90,420,758,817	80,223,271,717
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	3,451,010,127	7,737,849,324
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	59,509,398,092	50,648,278,970
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		56,583,448,316	44,320,634,349
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	4,997,045,555	7,630,588,948
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	25,032,480,459	22,137,993,279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,332,844,838	7,544,259,843
11. Thu nhập khác	31	VI.25	10,710,357,663	34,815,639,989
12. Chi phí khác	32	VI.26	10,908,537,617	31,148,561,113
13. Lợi nhuận khác	40		(198,179,954)	3,667,078,876
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			(349,528,080)	(390,806,501)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,785,136,804	10,820,532,218
16.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		605,370,248	351,152,885
16.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,179,766,556	10,469,379,333
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			159,480,501	2,584,082,989
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			3,020,286,055	7,885,296,344
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	VI.27	97	252

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 15 tháng 5 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đỗ Ngọc Nam



Nguyễn Văn Hậu



Võ Trường Thành

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012
Đơn vị tính: VND

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012
Đơn vị tính: VND

α-C.T.C.P* 5%

Võ Trường Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700530696 ngày 21/6/2010 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

2 Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Truong Thanh Furniture Corporation. Tên viết tắt: TTFC.

Trụ sở chính đặt tại: Đường DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

4 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hoá;
- Vận tải hàng hoá đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5 Danh sách các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
Công ty con trực tiếp				
Công ty CP Trường Thành (Đaklak 1)	Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	30,000,000,000	70.00%	70.00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Đaklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	28,000,000,000	70.00%	70.00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	KP 7, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126,239,000,000	64.16%	64.16%
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56,470,000,000	51.00%	100.00%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	60,000,000,000	99.33%	99.96%
Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	53,191,490,000	41.00%	46.07%
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	100,000,000,000	24.00%	68.52%
Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100,000,000,000	60.00%	99.99%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	25,000,000,000	45.60%	97.50%
Công ty CP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Trường Thành - Đak Nông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đa81k R'Lấp, tỉnh Đa8k Nông	50,000,000,000	97.90%	99.82%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông	Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk nông	60,000,000,000	96.00%	99.38%

Công ty con gián tiếp

Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krong Păk, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	85.37%
Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krong Păk, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	51.55%

Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6,500,000,000	23.08%	30.80%
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51.00%	51.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào... và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	04 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 14 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Phần mềm tin học	05 - 30 năm

Quyền sử dụng đất

Đối với quyền sử dụng đất không thời hạn: Công ty không tính khấu hao

Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên từng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập với tỷ lệ 1% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và xã hội.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá

Khi bán thành phẩm, hàng hoá doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu về việc cung cấp và lắp đặt các sản phẩm bằng gỗ cho các căn hộ cao cấp, du thuyền... được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

18. Thuế

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 62/CN-UB ngày 24/8/2000 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế TNDN 02 năm và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm khi có

Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 20% trong 10 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 03 năm tiếp theo.

Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty CP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Trường Thành Đắk Nông được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành. Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	756,615,048	495,816,612
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	3,286,795,907	3,394,634,038
Tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ	108,310,788	1,058,134,604
Tiền gửi tại Công ty Chứng khoán - VND	17,657,489	-
Tiền đang chuyển	500,500,000	-
Các khoản tương đương tiền	(*) 9,505,644,444	19,514,575,483
Cộng	14,175,523,676	24,463,160,737

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng (lãi suất dao động từ 13% đến 14%/năm). Toàn bộ số dư khoản tiền gửi này đã thế chấp, cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	(2.1) 5,540,000,000	20,184,224,750
Các khoản dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5,540,000,000	20,184,224,750

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(2.1) Bao gồm:	Số cuối kỳ
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các nhân viên Công ty	320,000,000
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các tổ chức (2.2)	5,200,000,000
Trái phiếu Chính phủ	20,000,000
Cộng	5,540,000,000

(2.2) Bao gồm:	
Khoản cho vay đến Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương	300,000,000
Khoản cho vay đến Công ty TNHH XD Đồng Long	2,000,000,000
Khoản cho vay đến Công ty CP Phú Hữu Gia	2,900,000,000
Cộng	5,200,000,000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	576,664,899,087	724,825,722,407
Trả trước cho người bán	35,260,694,602	33,812,491,115
Phải thu khác (3.1)	77,879,473,855	69,843,937,371
Cộng	689,805,067,545	828,482,150,893
Dự phòng phải thu khó đòi	(5,863,019,950)	(5,863,019,950)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	683,942,047,595	822,619,130,943

(3.1) Bao gồm:	
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,983,228,729
Phải thu về lãi cho vay	753,004,138
Phải thu khoản cho mượn, không lãi suất	2,350,000,000
Phải thu gốc cho vay đối với Công ty Tân Phát (*)	19,180,000,000
Phải thu lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát (*)	4,237,675,770
Cho mượn đến Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo, không lãi suất	19,113,231,709
Phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	63,184,500
Lợi nhuận được chia phải thu từ khoản đầu tư dài hạn	19,539,314,500
Các khoản phải thu khác	10,659,834,509
Cộng	77,879,473,855

(*) Vào ngày 10/01/2011, Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số 708/QĐ-THA về việc cưỡng chế tài sản giấy tờ có giá là giấy chứng nhận quyền sở hữu số lượng 1.968.000 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Trồng Rừng Trường Thành phát hành và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Phát đứng tên nhằm mục đích thu hồi khoản nợ gốc vay và lãi phát sinh từ hợp đồng vay số 01-2007 ngày 21/9/2007 giữa Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Phát và Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành. Ngày 31/10/2011, Cục Thi Hành Án Dân Sự Tỉnh Đắk Lắk đã ra thông báo số 206/CTHADS-CHV về giá khởi điểm mỗi cổ phiếu để đưa ra bán đấu giá là 10.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	89,248,876	3,158,128,395
Nguyên liệu, vật liệu	1,136,880,654,605	1,106,479,936,227
Vật liệu phụ	29,421,575,759	21,980,408,711
Đồ dùng thay thế	188,404,154	-
Công cụ, dụng cụ	1,469,047,925	1,582,385,327
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	480,299,156,904	418,361,291,043
Thành phẩm	38,983,460,091	48,101,224,807
Hàng hoá	54,861,102,736	60,832,808,420
Hàng gửi bán	11,124,583,984	12,454,196,494
Cộng	1,753,317,235,034	1,672,950,379,424
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7,046,447,698)	(7,046,447,698)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	1,746,270,787,336	1,665,903,931,727

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	3,077,063,997	3,394,612,419
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1,798,280,208	1,187,479,666
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	331,767,682	331,767,682
Tài sản ngắn hạn khác (*)	20,883,430,323	19,127,283,668
Cộng	26,090,542,210	24,041,143,435

(*) Bao gồm:

Tài sản thiếu chờ xử lý	220,046,643
Các khoản tạm ứng	14,630,048,938
Các khoản ứng trước đến người lao động liên quan đến việc phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động (**)	2,703,000,000
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,330,334,742
Cộng	20,883,430,323

(**): Khoản tiền ứng trước liên quan đến việc phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động. Các khoản ứng trước này sẽ được thu hồi khi Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động trong tương lai. Bên cạnh đó, trong trường hợp các khoản ứng trước này không thể thu hồi vì bất kỳ nguyên nhân gì thì Hội đồng Quản trị sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất này theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị ngày 29/4/2008. Khoản tiền ứng trước này sẽ được HĐQT thu hồi hết toàn bộ trong năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	241,806,801	281,154,114	24,753,966	4,177,809	1,376,406	553,269,096
Tăng	382,539	7,812,894	-	-	-	8,195,434
Giảm	147,600	8,783,127	-	-	-	8,930,727
Số dư cuối kỳ	242,041,741	280,183,881	24,753,966	4,177,809	1,376,406	552,533,803
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	44,450,825	46,597,140	8,012,674	2,567,129	330,723	101,958,491
Tăng	3,107,269	4,827,814	694,282	322,328	42,166	8,993,859
Giảm	9,225	1,470,857	177,648	-	-	1,657,730
Số dư cuối kỳ	47,548,870	49,954,098	8,529,307	2,889,457	372,889	109,294,621
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	197,355,976	234,556,975	16,741,292	1,610,680	1,045,683	451,310,605
Số dư cuối kỳ	194,492,871	230,229,783	16,224,659	1,288,352	1,003,517	443,239,182

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm, website	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	64,593,804,700	6,240,845,506	70,834,650,206
Tăng do mua mới	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(*) 64,593,804,700	6,240,845,506	70,834,650,206
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4,936,682,625	1,419,115,546	6,355,798,171
Tăng	195,691,527	178,773,528	374,465,055
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5,132,374,152	1,597,889,074	6,730,263,226
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	59,657,122,075	4,821,729,960	64,478,852,035
Số dư cuối kỳ	59,461,430,548	4,642,956,432	64,104,386,980

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá
Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009: tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương	4,417.00	09/11/2059	2,663,451,000
Quyền sử dụng đất số T00405: tọa lạc tại phường Thống Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	175.20	lâu dài	5,256,000,000
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	72,118.40	50 năm đến ngày 08/7/2005	508,828,800
Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRai, huyện Ea H'leo, Đắk Lắk	14,884.00	lâu dài	1,458,632,000
Quyền sử dụng đất tại Thôn 5, xã Ea Rai, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	34,743.00	thời hạn 50 năm (kể từ ngày 28/7/2006)	460,950,400
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	120,478.50	49 năm kể từ ngày 08/7/2005	36,745,942,500
Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	3,770,000.00	42 năm từ năm 2008 đến năm 2049	17,500,000,000
Cộng			64,593,804,700
Tính đến ngày 31/03/2012, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.			
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m ² đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương		32,500,000,000	32,500,000,000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Đức Bình Đông, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên		1,203,500,000	1,203,500,000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên		828,300,000	828,300,000
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa số 165, tờ bản đồ số 35 thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng số 01/12/2010TTBD3 ngày 01/12/2010 với diện tích chuyển nhượng là 21.835,5 m ²		-	993,112,685
Chi phí xây dựng 02 nhà kho tại Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương		25,546,290,090	25,548,815,260
Lô đất (250 m ²) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và 08 lô đất khác tại Đắk Lắk		843,700,000	843,700,000
Mua sắm tài sản cố định		6,254,998,396	6,266,357,238
Xây dựng cơ bản dở dang khác (xây dựng nhà kho, nhà xưởng...)		1,693,216,886	480,788,620
Cộng		68,870,005,372	68,664,573,803
9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(9.1)	76,339,016,781	76,688,544,860
Đầu tư dài hạn khác	(9.2)	104,121,036,000	109,121,036,000
Cộng		180,460,052,781	185,809,580,860
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(9.3)	(13,216,759,809)	(13,216,759,809)
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn		167,243,292,972	172,592,821,051

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(9.1) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế 31/03/2012
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	7,018,000.00 USD	51.00%	(*)	75,198,369,000
Công ty CP Bao bì Trường Thành	6,500,000,000	23.08%	1,500,000,000	2,000,000,000
Cộng				77,198,369,000
Khoản tồn thất phát sinh tại Công ty liên kết (Công ty CP bao bì Trường Thành)				(859,352,219)
Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh				76,339,016,781

(*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Giấy OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty sẽ góp 3,579,000.00 USD (trong đó bao gồm 170,400.00 USD bằng tiền và 3,408,000.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 m² thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 361022000032 ngày 14/10/2011 bởi Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên.

(9.2) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

(9.2.1) Đầu tư mua cổ phiếu và các chứng từ có giá

Khoản đầu tư vào	Số lượng cổ phần sở hữu	Đơn giá	Giá trị đầu tư 31/03/2012
Công ty CP Lidovit	228,960	9,661	2,212,000,000
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt	300	100,000,000	30,000,000,000
Công ty CP CBTP Sông Hậu	444,608	27,500	12,226,720,000
Công ty CP Phú Hữu Gia	5,268,000	10,000	52,680,000,000
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	555,000	10,000	5,550,000,000
Cộng			102,668,720,000

(9.2.2) Các khoản đầu tư tài chính khác

Khoản cho vay đến Công ty Lâm nghiệp Phước An	1,452,316,000
Cộng	1,452,316,000

Tổng cộng đầu tư tài chính dài hạn khác (9.2)	104,121,036,000
--	------------------------

(9.3) Các khoản dự phòng đầu tư mua cổ phiếu và chứng từ có giá

Khoản đầu tư vào	Trị giá đầu tư	Số lượng	Đơn giá bình quân	Giá trị hợp lý (31/03/2012)	Dự phòng
Công ty CP Lidovit	2,212,000,000	228,960	9,661		
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt	30,000,000,000	300	100,000,000	96,904,120	(928,764,060)
Công ty CP CBTP Sông Hậu	12,226,720,000	444,608	27,500	-	(12,226,720,000)
Công ty CP Phú Hữu Gia	52,680,000,000	5,268,000	10,000		
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5,550,000,000	555,000	10,000	9,886	(61,275,749)
Cộng					(13,216,759,809)
Tổng cộng					(13,216,759,809)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Tài sản dài hạn khác		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(10.1)	19,720,206,476	20,624,650,016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(10.2)	731,104,993	731,104,993
Tài sản dài hạn khác	(10.3)	1,331,000,000	1,413,454,545
Cộng		21,782,311,469	22,769,209,554
(10.1) Bao gồm:			
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ		7,106,918,613	
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ		16,335,259	
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ		458,136,130	
Phí đánh giá tác động môi trường		288,346,866	
Chi phí chờ phân bổ khác		288,459,243	
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ		11,562,010,365	
Cộng		19,720,206,476	
(10.2) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cuối năm phát sinh từ lãi chưa thực hiện liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất giữa nội bộ Tập đoàn với nhau.			
(10.3) Bao gồm:			
Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên		400,000,000	
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn về thuê mặt bằng		931,000,000	
Cộng		1,331,000,000	
11. Vay và nợ ngắn hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng	(*)	1,723,293,703,820	1,789,737,148,552
Vay từ Công ty CP Lâm Nghiệp Phước An		300,000,000	300,000,000
Vay tổ chức khác		130,000,000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(17*)	42,373,238,172	45,846,238,172
Cộng		1,766,096,941,992	1,835,883,386,724
(*) Công ty vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 31/03/2012:			
		USD	Tương đương VNĐ
Vay bằng VNĐ			1,072,304,618,659
Vay bằng USD		31,255,477.49	650,989,085,161
Cộng			1,723,293,703,820
12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán		314,747,320,068	399,111,327,674
Người mua trả tiền trước		40,993,210,359	55,670,607,643
Cộng		355,740,530,427	454,781,935,317
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp		9,096,714,537	4,488,636,883
Thuế TNDN phải nộp		3,967,771,161	3,565,834,050
Thuế TNCN phải nộp		953,472,334	400,740,905
Các loại thuế khác		121,459,500	113,798,500
Cộng		14,139,417,532	8,569,010,338

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Phải trả người lao động	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản lương phải trả người lao động	22,325,429,876	29,932,850,580
Cộng	22,325,429,876	29,932,850,580
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
15. Chi phí phải trả	(*) 29,560,631,402	22,929,199,100
(*) Bao gồm:		
Chi phí lãi vay còn phải trả	28,667,955,057	
Chi phí khác	892,676,345	
Cộng	29,560,631,402	
	(*) 108,073,609,936	66,308,118,967
16. Các khoản phải trả, phải nộp khác		
(*) Bao gồm:		
Tài sản thừa chờ xử lý	1,401,746,991	
Khoản BHXH, BHYT và BHTN còn phải nộp	15,377,149,784	
Các khoản mượn thanh toán không lãi suất	48,346,567,735	
Khoản nhận ứng trước từ Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất mới theo Hợp đồng liên doanh ngày 16/5/2010 và các Phụ lục đính kèm.	40,595,380,412	
Phải trả các bên liên quan (liên quan đến việc mua hàng và các chi phí khác)	1,034,939,945	
Cổ tức còn phải trả	656,414,000	
Khoản tiền mượn từ các cá nhân	100,000,000	
Và các khoản phải trả khác	561,411,069	
Cộng	108,073,609,936	
17. Nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác (nhận cọc tiền cho thuê mặt bằng)	1,000,000,000	1,000,000,000
Vay và nợ dài hạn	(17.1) 90,797,628,842	85,560,530,406
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	114,418,742	114,418,742
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	628,979,391	649,585,640
Doanh thu chưa thực hiện	(17.2) 55,471,330,248	36,564,773,700
Cộng	148,012,357,223	123,889,308,488
(17.1) Số dư khoản vay dài hạn tại ngày 31/03/2012		
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	14,447,850,000	
NH Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Đắk Lắk - Đắk Nông	5,150,000,000	
NH Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	-	
NH Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	4,183,000,000	
NH TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương	107,416,017,014	
Các cá nhân, tổ chức khác	1,974,000,000	
Cộng vay dài hạn	133,170,867,014	
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(42,373,238,172)	
Cộng vay và nợ dài hạn	90,797,628,842	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.2) Bao gồm:

Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	36,525,228,246
Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với các công trình xây dựng của Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Đô Thị Sài Đồng	18,921,556,548
Doanh thu chưa thực hiện khác	24,545,454
Cộng	55,471,330,248

18. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312,498,390,000	-	-	312,498,390,000
Thặng dư vốn cổ phần	338,265,055,014	-	-	338,265,055,014
Vốn khác của chủ sở hữu	3,212,548,834	-	-	3,212,548,834
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	-	-	(420,631,294)
Quỹ đầu tư phát triển	6,152,120,739	-	-	6,152,120,739
Quỹ dự phòng tài chính	3,767,885,040	-	-	3,767,885,040
Quỹ khác thuộc CSH	8,963,110	-	-	8,963,110
Lợi nhuận chưa phân phối	22,080,764,687	3,020,286,055	336,415,715	24,764,635,027
Cộng	685,565,096,130	3,020,286,055	336,415,715	688,248,966,470

	QUÝ I-2012 (14 Công ty)	QUÝ I-2011 (12 Công ty)
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	31,249,839	31,249,839
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	31,249,839	31,249,839
- Cổ phiếu thường	31,249,839	31,249,839
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(12,648)	(8,581)
- Cổ phiếu thường	(12,648)	(8,581)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	31,237,191	31,241,258
- Cổ phiếu thường	31,237,191	31,241,258
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000 đồng/cổ phần. Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.		

Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ do:

Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, các khoản chi khác	277,486,715
Chia cổ tức 2011	58,929,000
Cộng	336,415,715

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	QUÝ I-2012 (14 Công ty)	QUÝ I-2011 (12 Công ty)
19. Doanh thu		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	789,729,022,252	565,678,501,222
Doanh thu cung cấp dịch vụ, thi công công trình	17,296,599,720	1,992,364,689
Doanh thu vật liệu xây dựng	-	1,334,600,097
Doanh thu khác	108,777,516	86,676,660
Cộng	807,134,399,488	569,092,142,668
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	(494,037,537)	(182,288,950)
Doanh thu thuần	806,640,361,951	568,909,853,718
20. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	706,688,407,938	487,289,045,975
Giá vốn cung cấp dịch vụ, thi công công trình	9,531,195,196	589,611,360
Giá vốn vật liệu xây dựng	-	723,810,201
Giá vốn khác	-	84,114,465
Cộng	716,219,603,134	488,686,582,001
21. Doanh thu hoạt động tài chính		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	168,285,600	-
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1,860,415,645	3,044,743,581
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,422,308,882	4,693,105,743
Cộng	3,451,010,127	7,737,849,324
22. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	56,583,448,316	44,320,634,349
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2,315,421,648	5,244,363,294
Phí ngân hàng	600,696,708	1,076,484,563
Chi phí tài chính khác	9,831,420	6,796,765
Cộng	59,509,398,092	50,648,278,970
23. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	414,541,371	239,748,111
Chi phí vật liệu bao bì	251,975	161,921,845
Chi phí khấu hao TSCĐ	86,236,719	123,822,973
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	303,504,307	633,182,057
Chi phí xuất hàng	2,773,256,587	5,061,010,655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	672,892,881	581,912,852
Chi phí khác	746,361,715	828,990,455
Cộng	4,997,045,555	7,630,588,948

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	QUÝ I-2012 (14 Công ty)	QUÝ I-2011 (12 Công ty)
24. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	18,099,807,302	15,447,572,460
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	953,145,109	919,076,004
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,289,566,865	1,541,577,363
Thuế, phí và lệ phí	651,098,341	383,523,070
Chi phí dự phòng	1,319,640	6,555,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	566,277,247	2,275,425,056
Chi phí khác	3,471,265,955	1,564,264,326
Cộng	25,032,480,459	22,137,993,279

	QUÝ I-2012 (14 Công ty)	QUÝ I-2011 (12 Công ty)
25. Thu nhập khác		
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định và chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	-
Thu nhập khác	10,710,357,663	34,815,639,989
Cộng	10,710,357,663	34,815,639,989

	QUÝ I-2012 (14 Công ty)	QUÝ I-2011 (12 Công ty)
26. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ, phế liệu thanh lý, nhượng bán	-	-
Chi phí khác	10,908,537,617	31,148,561,113
Cộng	10,908,537,617	31,148,561,113

	QUÝ I-2012 (14 Công ty)	QUÝ I-2011 (12 Công ty)
27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,179,766,556	10,469,379,333
<i>Trong đó:</i>		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	159,480,501	2,584,082,989
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	3,020,286,055	7,885,296,344
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	3,020,286,055	7,885,296,344
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	31,237,191	31,241,258
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	97	252.40

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII Thông tin khác

Báo cáo Bộ Phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh

- Chế biến gỗ
- Trồng rừng
- Khác

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ	Trồng rừng	Khác	Loại trừ	Hợp nhất
	Quý 1 2012	Quý 1 2012	Quý 1 2012	Quý 1 2012	Quý 1 2012
Doanh thu thuần					
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	800,239	76.2800	6,325	-	806,640
<i>Giữa các bộ phận</i>	322,739	22	44,578	(367,339)	-
Tổng cộng	1,122,978	98.2650	50,903	(367,339)	806,640
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả của bộ phận	90,195	2	224	-	90,421
Chi phí không phân bổ	28,694	795	541	-	30,030
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	61,501	(792)	(318)	-	60,391
<i>Thu nhập tài chính</i>	4,035	34	1	(619)	3,451
<i>Chi phí tài chính</i>	59,172	7	950	(619)	59,509
<i>Lợi nhuận khác</i>	(109)	(53)	(36)	-	(198)
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	(304)	(46)	-	(350)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	605	-	-	-	605
Lợi nhuận sau thuế	5,650	(1,122)	(1,349)	0.5	3,180
Lợi ích cổ đông thiểu số	727	(88)	(478)	-	159
Lợi nhuận thuần	4,923	(1,033)	(871)	-	3,020

Đơn vị tính: triệu đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các thông tin khác	Chế biến gỗ Cuối kỳ	Trồng rừng Cuối kỳ	Khác Cuối kỳ	Loại trừ Cuối kỳ	Hợp nhất Cuối kỳ
Tài sản của bộ phận	3,767,703	206,405	74,371	(807,221)	3,241,258
Tài sản không phân bổ					
Tổng tài sản	3,767,703	206,405	74,371	(807,221)	3,241,258
Nợ phải trả của bộ phận	2,755,822	65,277	64,533	(443,095)	2,442,538
Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả	2,755,822	65,277	64,533	(443,095)	2,442,538
Chi phí mua sắm tài sản	8,195	-	-	-	8,195
Chi phí khấu hao	8,550	240	284	-	9,074

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý:

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

Đơn vị tính: triệu đồng

	Bình Dương	Đắk Lắk	Phú Yên	Khác	Loại trừ	Hợp nhất
	Quý 1 2012	Quý 1 2012	Quý 1 2012	Quý 1 2012	Quý 1 2012	Quý 1 2012
Doanh thu thuần						
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	534,143	265,904	538	6,055	-	806,640
<i>Giữa các bộ phận</i>	234,127	73,776	14,866	44,571	(367,339)	-
Tổng cộng	768,270	339,679	15,404	50,626	(367,339)	806,640
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	62,902	24,657	2,602	259	-	90,421
Chi phí không phân bổ	23,490	5,147	996	396	-	30,030
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	39,412	19,510	1,606	(137)	-	60,391
<i>Thu nhập tài chính</i>	3,502	104	463	0	(619)	3,451
<i>Chi phí tài chính</i>	38,456	20,481	1,192	-	(619)	59,509
<i>Lợi nhuận khác</i>	(476)	285	19	(26)	-	(198)
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	(304)	(46)	-	(350)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	523	-	82	-	-	605
Lợi nhuận sau thuế	3,459	(581)	511	(209)	0.5	3,179
Lợi ích cổ đông thiểu số	46	(204)	319	(2)	-	159
Lợi nhuận thuần	3,413	(377)	191	(207)	-	3,020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/3/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các thông tin khác	Bình Dương		Đắk Lắk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Đơn vị tính: triệu đồng	
	Cuối kỳ		Cuối kỳ		Cuối kỳ		Cuối kỳ		Cuối kỳ		Hợp nhất	
Tài sản của bộ phận	2,887,668		965,473		142,950		52,388		(807,221)		3,241,258	
Tài sản không phân bổ												
Tổng tài sản	2,887,668		965,473		142,950		52,388		(807,221)		3,241,258	
Nợ phải trả của bộ phận	1,969,271		792,607		79,607		44,149		(443,095)		2,442,538	
Nợ phải trả không phân bổ												
Tổng nợ phải trả	1,969,271		792,607		79,607		44,149		(443,095)		2,442,538	
Chi phí mua sắm tài sản	7,872	26			298		-		-		8,195	
Chi phí khấu hao	5,952	2,659			435		28		-		9,074	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Đỗ Ngọc Nam

Nguyễn Văn Hậu



Báo cáo tài chính hợp nhất